

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000685

Trang : 1/3

Môn học: **Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (228209) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

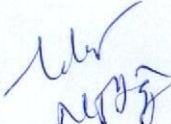
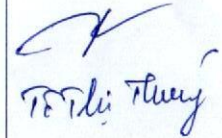
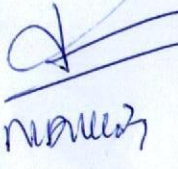
Giờ: **09:45**

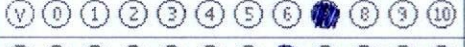
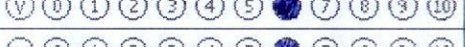
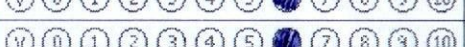
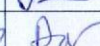
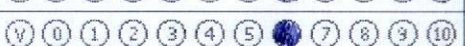
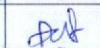
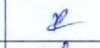
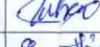
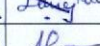
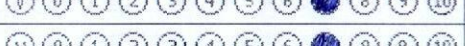
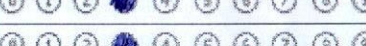
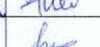
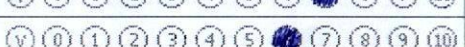
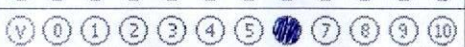
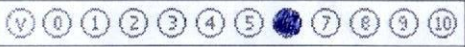
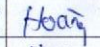
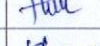
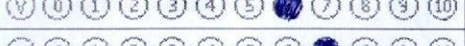
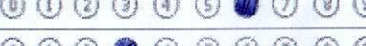
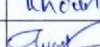
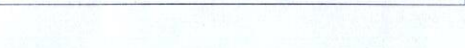
Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **44**

Số bài thi: **44**

Số tờ giấy thi: **44**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C		204		7,9	5,4	6,4		
2	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A		203		7,1	6,2	6,6		
3	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B		202		6,3	7,8	7,2		
4	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A		201		7,0	5,8	6,3		
5	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C		204		7,0	6,4	6,6		
6	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C		203		7,1	6,8	6,9		
7	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A		202		7,1	6,4	6,7		
8	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A		201		7,1	5,0	5,8		
9	2120170394	PHAN HUỲNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C		204		7,0	6,6	6,8		
10	2121180107	DƯƠNG VĨNH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C		203		7,4	8,2	7,9		
11	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C		204		6,8	7,6	7,3		
12	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A		202		7,1	7,4	7,3		
13	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B		203		6,7	6,2	6,4		
14	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B		204		7,2	6,4	6,7		
15	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A		201		7,0	5,8	6,3		
16	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C		202		6,6	4,8	5,5		
17	2121180101	DỤNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C		203		6,3	6,8	6,6		
18	2121180072	HUỲNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C		204		6,8	7,6	7,3		
19	2121180055	NGUYỄN TẤN KIẾT	04/10/2003	CCQ2118B		201		7,0	5,0	5,8		
20	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C		202		7,1	6,0	6,4		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000685

Trang : 2/3

Môn học: **Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (228209) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

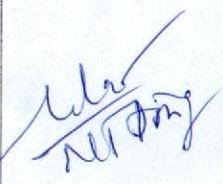
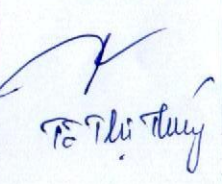
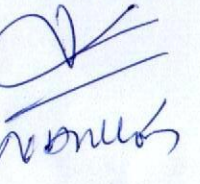
Giờ: **09:45**

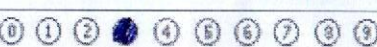
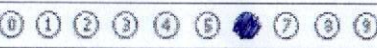
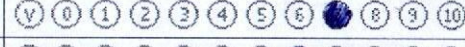
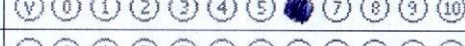
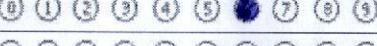
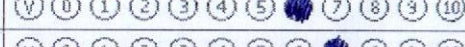
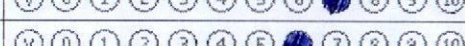
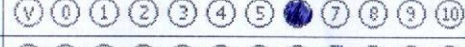
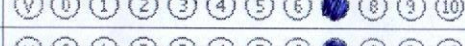
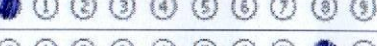
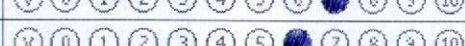
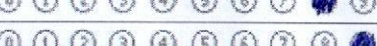
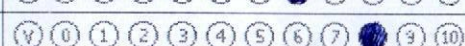
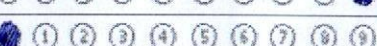
Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **44**...

Số bài thi: **44**.....

Số tờ giấy thi: **44**...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B		204		7,7	7,0	7,3		
22	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B		203		7,7	7,6	7,6		
23	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A		202		7,1	8,0	7,6		
24	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B		201		7,1	6,2	6,6		
25	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B			Cấm thi	0,0				
26	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B		203		7,0	6,4	6,6		
27	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A		202		7,0	7,6	7,4		
28	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A		201		7,0	6,4	6,6		
29	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B		209		7,4	5,8	6,4		
30	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C		203		6,7	6,8	6,8		
31	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C			Cấm thi	0,0				
32	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B		202		7,7	4,8	6,0		
33	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		203		7,1	7,0	7,0		
34	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B		204		7,2	5,2	6,0		
35	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		201		7,4	6,8	7,0		
36	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		202		7,7	7,8	7,8		
37	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C		203		6,7	7,0	6,9		
38	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		204		7,7	8,2	8,0		
39	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C		201		6,9	5,8	6,2		
40	2121180105	LƯU MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C		202		6,4	6,0	6,2		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000685

Trang : 3/3

Môn học: **Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (228209) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

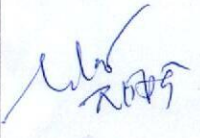
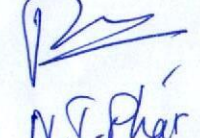
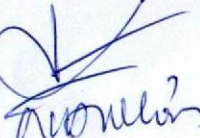
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: 44.....

Số bài thi: 44.....

Số tờ giấy thi: 44...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	T.Đ.Đ.Đ.Đ.	N.T.Phar	Đ.Đ.Đ.Đ.

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B		204		6,3	6,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B		203		7,0	7,8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		202		6,8	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121180077	NGUYỄN MINH TUYỀN	18/06/2003	CCQ2118C		201		6,7	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C		209		6,2	5,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C		208		6,9	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng (228209) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B108**

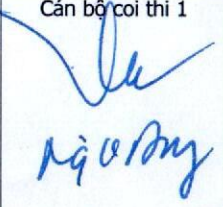
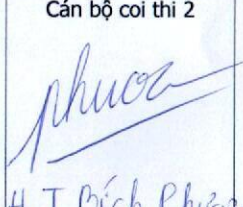
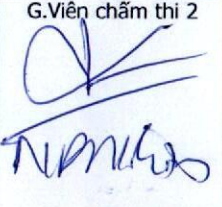
Mã nhận dạng: 000686

Trang : 1/1

Số SV có mặt: 88

Số bài thi: 88

Số tờ giấy thi: 88

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Nguyễn	H.T. Bích Phương	N.T. Phấn	N.T. Phấn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA		201		9,0	5,4	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA				7,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA		204		7,0	6,8	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA		201		8,5	7,6	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121180066	TRẦN THANH NHÀN	19/08/2003	CCQ2118LA		202		7,0	7,8	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA		203		7,5	6,4	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA		204		8,8	4,6	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121180070	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	01/04/2003	CCQ2118LA				7,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA		202		7,0	6,8	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA		203		7,7	8,0	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9